

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **15 /2018/HSST**

Ngày: 01/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Việt Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Hữu Nhuận

Bà: Điều Thị Hương

- Thư ký phiên tòa:

ông Nông Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Dạ Thảo – Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/HSST ngày 14 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 17/01/2018 ngày 17 tháng 01 năm 2018; Đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ MỸ T – Sinh năm: 1998; HKTT: ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1972 và bà Huỳnh Thị Tr, sinh năm: 1971; bị cáo có 03 anh chị em (lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2002; bản thân cáo là con thứ 2 trong gia đình); bị cáo có chồng tên Nguyễn Minh Cảnh, sinh năm: 1992 và 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại để điều tra (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: ông Đàm Văn Đ – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Người bị hại: anh Vương Công T, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp T, TT. Thanh Bình, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Những người làm chứng:

Nguyễn Văn H, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn 6, xã K, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

Nguyễn Thái B, sinh năm: 1990; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1998; địa chỉ: KP. T, TT. T, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 09/11/2017, sau khi nhậu ở quán Làng ốc thuộc khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp thì Nguyễn Văn H, Vương Công T và Nguyễn Thị Mỹ T đến quán Karaoke Hoàng Yến, cả ba vào phòng 102 để hát. Do thiếu tiền trả quán, Trọng gọi điện thoại cho Nguyễn Thái B mượn 5.000.000đồng. Khi B mang tiền đến quán cho Tr mượn, Tr bỏ tiền vào túi quần bên trái và nằm ngủ tại ghế trong phòng 102. Thấy Tr có tiền T nảy sinh ý định trộm cắp lấy tiền tiêu xài cá nhân, T đến ngồi sát gần Trọng và dùng tay đưa vào túi quần bên trái của Tr lấy 4.500.000đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam bỏ vào trong bóp của mình để cất giấu. Sau khi tỉnh dậy Tr phát hiện mình bị mất tiền nên đã trình báo sự việc lên Cơ quan Công an.

Cáo trạng số 03/Ctr-VKS ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T về tội “Trộm cắp tài sản: theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 45; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo T từ 06(sáu) đến 09(chín) tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 12(mười hai) đến 18(mười tám) tháng.

Người bào chữa cho bị cáo không tham gia tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, vì bị cáo đang nuôi con nhỏ, xin HĐXX xử phạt bị cáo 06(sáu) tháng tù, cho hưởng án treo để có điều kiện gần gũi và chăm sóc con nhỏ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, HĐXX không đề cập xử lý.

Bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Bù Đốp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; người bị hại cũng không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 09/11/2017, sau khi nhậu ở quán Làng ốc thuộc khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp thì Nguyễn Văn H, Vương Công Tr và bị cáo đến hát tại phòng 102 của quán Karaoke Hoàng Yến. Do thiếu tiền trả quán, Tr gọi điện thoại cho Bình mượn 5.000.000đồng. Tr đã bỏ số tiền mượn được vào túi quần bên trái và nằm ngủ. Thấy Tr có tiền T nảy sinh ý định trộm cắp lấy tiền tiêu xài cá nhân, T đến ngồi gần Trọng và lén lút đưa tay vào túi quần bên trái của Tr lấy 4.500.000đồng(bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam bỏ vào trong bóp của mình để cất giấu. Sau khi tỉnh dậy Tr phát hiện mình bị mất tiền nên đã trình báo sự việc lên Cơ quan Công an.

Tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ **hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng** hoặc **dưới hai triệu đồng** nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù **từ sáu tháng đến ba năm**”...

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ **hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng** hoặc **dưới hai triệu đồng** nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù **từ sáu tháng đến ba năm**”

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng số: 03/Ctr-VKS ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp đã truy tố bị cáo là đúng hành vi, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi muốn có tiền xài cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần xử phạt bị cáo với mức án tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại; bị cáo hiện đang phải nuôi con dưới 36(ba mươi sáu) tháng tuổi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999(được sửa đổi, bổ sung năm 2009) cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền, án tiền sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì thêm, HĐXX không đề cập xử lý.

[6] Xét đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát cũng như quan điểm của người bào chữa đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của HĐXX, xét thấy, bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, chỉ cần giao bị cáo về nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về vật chứng: 09(chín) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đồng, loại Polime, ở góc trái mặt trước mỗi tờ tiền có đánh dấu hình tròn bằng mực xanh là tài sản hợp pháp của anh Vương Công Trọng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Trọng là có căn cứ.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của bộ luật hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt Nguyễn Thị Mỹ T **06(sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là **01(một)** năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo T về Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- THADS huyện Bù Đốp;
- CQCSĐT CA huyện Bù Đốp;
- CQ THAHS CA huyện Bù Đốp;
- UBND xã Phước Thiện;
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Việt Nga